

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán công trình Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 về sửa đổi bổ sung một số điều của 04 thông tư liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4528/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 1543/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật công trình Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4508/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh tổng dự toán công trình Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 4507/SGTVT- TĐKHKT ngày 22 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán công trình Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân với nội dung như sau:

1. Khái quát về quá trình triển khai dự án

Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán và Chỉ dẫn kỹ thuật tại Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 có giá trị là: **227.470.300.000 đồng**; trong đó:

- Chi phí xây dựng và thiết bị: 196.686.439.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án:	2.887.834.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.700.059.000 đồng
- Chi phí khác:	1.859.894.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	17.336.073.000 đồng

Trên cơ sở tổng dự toán đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, chủ đầu tư (UBND huyện Thọ Xuân) đã phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 (chỉ điều chỉnh giá nhựa đường đặc nóng và nhựa đường nhũ tương theo thông báo giá số 182/CV-PLC.NĐ-TTTPC ngày 01/5/2020 của Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex), cụ thể:

+ Giá gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình (bao gồm chi phí bảo hiểm công trình và chi phí hoàn trả đường công vụ ngoại tuyến phục vụ thi công) là 213.903.157.000 đồng, cụ thể: chi phí xây dựng: 197.213.056.000 đồng; bảo hiểm công trình: 492.808.000 đồng; dự phòng: 16.287.293.000 đồng.

+ Giá gói thầu số 08: Tư vấn giám sát thi công xây dựng là 2.643.093.000 đồng.

Hiện nay, chủ đầu tư đã tổ chức đấu thầu gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình (bao gồm chi phí bảo hiểm công trình và chi phí hoàn trả đường công vụ ngoại tuyến phục vụ thi công); gói thầu số 08: Tư vấn giám sát công trình và đã thương thảo và ký hợp đồng đối với các nhà thầu trúng thầu 02 gói thầu này.

2. Lý do điều chỉnh:

- Tổng dự toán xây dựng công trình được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 trên cơ sở đơn giá lập theo Định mức dự toán xây dựng công trình được Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; trong đó sử dụng đất mua tại mỏ trên phương tiện và áp dụng định mức vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ theo mã hiệu AB.41000. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 2741/BXD-KTXD ngày 09/6/2020, trường hợp tự khai thác đất tại mỏ thì đơn giá vận chuyển bằng ô tô tự đổ áp dụng mã hiệu AB.41000; trường hợp mua đất trên phương tiện tại mỏ thì đơn giá vận chuyển bằng ô tô tự đổ áp dụng mã hiệu AM.23000. Để áp dụng đúng định mức đã được Bộ Xây dựng ban hành làm cơ sở thương thảo phụ lục hợp đồng, việc điều chỉnh lại đơn giá vận chuyển đất đắp của dự án theo mã hiệu định mức AM.23000 là phù hợp, dẫn đến điều chỉnh lại tổng dự toán công trình là cần thiết.

- Giá ca máy lu bánh thép 16 tấn, 25 tấn (chưa có trong Thông tư 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng) tạm áp dụng giá ca máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tính tương ứng loại 10 tấn, 12 tấn theo hướng dẫn tại văn bản số 7172/UBND-CN ngày 04/6/2020 Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Tổng dự toán điều chỉnh: 225.285.977.000 đồng.

(Hai trăm hai mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); trong đó:

Đơn vị: Đồng.

TT	Hạng mục	Dự toán phê duyệt theo Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị điều chỉnh	Chênh lệch
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	196.686.439.000	194.857.381.000	-1.829.058.000
2	Chi phí quản lý dự án	2.887.834.000	2.860.797.000	-27.037.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	8.567.567.000	8.542.875.000	-24.692.000
4	Chi phí khác	1.859.894.000	1.855.322.000	-4.572.000
5	Chi phí dự phòng	17.336.073.000	17.169.602.000	-298.964.000
Tổng dự toán		227.470.300.000	225.285.977.000	-2.184.323.000

(Chi tiết có phụ lục Tổng dự toán điều chỉnh kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng thi công xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế tổng dự toán công trình đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, CN (H43.712, 43.713).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Dự toán phê duyệt theo Quyết định 1543/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Dự toán điều chỉnh	Chênh lệch
I	Chi phí xây dựng và thiết bị	196.686.439.000	194.857.381.000	-1.829.058.000
1	Phần đường giao thông	176.757.731.000	174.928.673.000	-1.829.058.000
2	Chi phí hoàn trả đường công vụ	4.000.000.000	4.000.000.000	-
3	Hệ thống điện chiếu sáng	13.592.398.000	13.592.398.000	-
4	Chi phí thiết bị	2.336.310.000	2.336.310.000	-
II	Chi phí quản lý dự án	2.887.834.000	2.860.797.000	-27.037.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	8.567.567.000	8.542.875.000	-24.692.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	1.544.044.563	1.544.044.563	-
2	Khảo sát, thiết kế lập BVTC&DT	2.639.719.000	2.639.719.000	-
3	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn lập báo cáo NCKT	11.928.000	11.928.000	-
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu TV lập BVTC&DT	8.571.000	8.571.000	-
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói TVGS	17.246.000	143.418.000	293.000
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	125.879.000		
7	Thẩm tra thiết kế BVTC&DT	280.350.000	280.350.000	-
8	Giám sát khảo sát lập thiết kế BVTC	28.088.000	28.088.000	-
9	Lập nhiệm vụ khảo sát lập TKBVTC	20.693.000	20.693.000	-
10	Giám sát thi công xây dựng	2.641.048.482	2.616.063.482	-24.985.000
7	Thẩm định HSMT các gói tư vấn; Thi công xây dựng và BH công trình	50.000.000	50.000.000	-
8	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000.000	50.000.000	-
9	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000	150.000.000	-

10	Lập thiết kế và cấm cọc GPMB	250.000.000	250.000.000	-
11	Kiểm định chất lượng	200.000.000	200.000.000	-
12	Giám sát đánh giá dự án	150.000.000	150.000.000	-
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	400.000.000	400.000.000	-
IV	Chi phí khác	1.859.894.000	1.855.322.000	-4.572.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	418.278.960	418.278.960	-
2	Kiểm toán	557.705.280	557.705.280	-
3	Bảo hiểm công trình	491.716.000	487.144.000	-4.572.000
4	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	35.768.943	35.768.943	-
5	Thẩm định dự toán	35.374.290	35.374.290	-
6	Thẩm định dự án đầu tư	21.051.000	21.051.000	-
7	Rà phá bom mìn	200.000.000	200.000.000	-
8	Chi phí kiểm tra của CQCM về xây dựng trong quá trình thực hiện	100.000.000	100.000.000	-
V	Chi phí dự phòng	17.336.073.000	17.169.602.000	-298.964.000
1	Cho yếu tố phát sinh khối lượng	10.506.711.000	10.405.819.000	-233.385.000
2	Cho yếu tố trượt giá	6.829.362.000	6.763.783.000	-65.579.000
VI	Tổng kinh phí dự toán	227.470.300.000	225.285.977.000	-2.184.323.000